TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST
Ngày 25/5/2021
"V/v Tranh chấp hợp vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Bà Vi Thị Kiều Chi.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 558/2020/TLST-DS ngày 13/10/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST - DS ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-DS ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Đình S; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị H; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
2. Ông Lê Đình T; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết với bị đơn nên nguyên đơn bà H đã cho bị đơn ông S vay tổng số tiền 750.000.000 đồng gốc, cụ thể như sau: Vào ngày 15/9/2019 ông S vay số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 20 ngày, khoản vay này ông S có thế chấp để làm tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 793431, mang tên Lê Đình T; tiếp đó vào ngày 03/4/2020 ông S vay thêm số tiền 350.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả trong thời hạn ngắn, có thế chấp để làm tin giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 793429, 793430, mang tên Ngô Thị H, Lê Đình T, cả hai khoản vay trên đều thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng là 1%/tháng, từ ngày vay. Quá trình vay khi đến hạn trả nợ thì bị đơn ông S chưa trả được khoản tiền gốc và lãi nào, bị đơn đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng nguyên đơn cứ khất lần đến nay vẫn chưa trả cho nguyên đơn.

Vì vậy, nguyên đơn bà H khởi kiện đề nghị bị đơn ông S trả tiền vay nợ gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện cho đến nay. Sau khi, ông S trả xong khoản nợ trên thì nguyên đơn bà H trả lại cho ông S, người liên quan bản gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp làm tin. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Đình S trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết với nguyên đơn bà H, bị đơn có vay bà H 02 lần tiền với số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 15/9/2019 vay số tiền là 400.000.000 đồng và ngày 03/4/2020, vay số tiền 350.000.000 đồng, khi vay tiền ông S có thế chấp để làm tin cho nguyên đơn bản gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lãi suất thỏa thuận miệng theo Ngân hàng, khi đến hạn trả nợ do điều kiện kinh tế khó khăn, dịch bệnh nên chưa trả được nợ cho nguyên đơn như cam kết.

Nay nguyên đơn khởi kiện thì đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, sau khi trả xong nợ thì đề nghị nguyên đơn trả lại bản gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp làm tin. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T bày có nội dung như sau:

Nay trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là của bị đơn ông S, sau khi ông S trả xong toàn bộ số nợ cho nguyên đơn, thị đề nghị nguyên đơn có trách nhiệm trả cho cho bị đơn ông S bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn ông S đã thế chấp làm tin. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị H đã được Tòa án tống đạt đầy đủ hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Buộc bị đơn ông S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà H số tiền 750.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà H đang giữ của ông S các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Đình S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T, bà Ngô Thị H đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà H có cho bị đơn ông S vay 02 lần tiền với số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 15/9/2019 vay số tiền là 400.000.000 đồng và ngày 03/4/2020, vay số tiền 350.000.000 đồng, khi vay tiền ông S có thế chấp để làm tin cho nguyên đơn bà H bản gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lãi suất thỏa thuận miệng theo Ngân hàng, khi đến hạn trả nợ bị đơn không trả được nợ như cam kết nên các bên xảy ra tranh chấp nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 1%/tháng từ ngày vay đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông S ký 02 giấy vay tiền của nguyên đơn với số tiền vay là 750.000.000 đồng, có cam kết thời hạn trả nợ, nhưng đến nay vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Lê Đình S trả số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng.

Về lãi suất tại 02 giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận khi vay có thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi suất mà đều đề nghị Tòa án tính lãi suất theo định của pháp luật, nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày khởi kiện nay thì lãi suất được tính cụ thể như sau.

750.000.000 đồng x 10%/năm x 08 tháng + 15 ngày = 53.125.000 đồng (tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử).

Như vậy, cần buộc bị đơn ông S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà H số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 803.125.000 đồng (trong đó tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 53.125.000 đồng).

[4]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5]. Xét ý kiến của bị đơn xác nhận có ký 02 giấy vay tiền của nguyên đơn với số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng, khi vay có thế chấp để làm tin bản gốc 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay đồng ý trả số tiền vay cho nguyên đơn nhưng cần có thời gian thu xếp trả và yêu cầu khi trả xong nợ thì nguyên đơn trả lại 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy khi vay tiền bị đơn có thế chấp để làm tin cho nguyên đơn bản chính 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó sau khi bị đơn trả xong khoản nợ trên cho nguyên đơn, thì nguyên đơn bà H có trách nhiệm trả lại cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 793431 do ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/11/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 793430 do ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/11/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 793429 do ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/11/2011.

[6]. Về án phí: Bị đơn ông S phải chịu 36.000.000 đồng + (3% x 3.125.000 đồng) = 36.093.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà H số tiền 17.000.000 đồng do bà Cải Hồng L đã nộp thay tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013062 ngày 06/10/2020.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Buộc bị đơn ông Lê Đình S có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Phan Thị H số tiền số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 803.125.000 đồng (trong đó tiền gốc là 750.000.000 đồng và tiền lãi là 53.125.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi, bị đơn ông Lê Đình S trả xong khoản nợ trên cho nguyên đơn bà Phan Thị H, thì nguyên đơn bà Phan Thị H có trách nhiệm trả lại cho bị đơn ông Lê Đình S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đình T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 793431 do ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/11/2011, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đăng ký biến động sang tên ông Lê Đình T ngày 09/8/2019; trả lại bị đơn ông Lê Đình S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 793430 do ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/11/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 793429 do ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/11/2011, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đăng ký biến động sang tên bà Ngô Thị H ngày 17/5/2019.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Đình S phải chịu 36.093.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn bà H 17.000.000 đồng do bà Cải Hồng L đã nộp thay tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013062 ngày 06/10/2020.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh